

Bản án số: 209/2022/DSST

Ngày: 31-5-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc
2. Bà Nguyễn Phước Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 193/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Cao T, sinh năm: 1985; địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. *(có mặt)*

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn V, sinh năm: 1990; địa chỉ: Số nhà 15 đường Nhuận Đức, tổ 2, ấp Đ, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 04/5/2020, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án, nguyên đơn trình bày vào ngày 02/01/2020, ông Lê Văn V có vay của ông số tiền 80.000.000 đồng, thời gian trong 03 ngày, không lãi suất. Để đảm bảo khoản vay, ông V có đưa cho ông giữ bản chính 01 giấy phép lái xe hạng C và 01 thẻ Căn cước công dân mang tên Lê Văn V. Việc vay mượn tiền có lập giấy tờ.

Đến hạn trả tiền là ngày 05/01/2020 ông yêu cầu ông V thanh toán nhưng ông V cố tình lảng tránh, không chịu thanh toán cho ông. Đến nay, mặc dù ông đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông V trả số tiền đã mượn là 80.000.000 đồng nhưng ông V vẫn cố tình không chịu thanh toán.

Do vậy, để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của ông, ông khởi kiện yêu cầu ông V phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền gốc 80.000.000đồng. Ông sẽ trả lại giấy tờ cho ông V. Ông xác định không yêu cầu lãi suất chậm thanh toán. Đồng thời ông xác định đây là giao dịch riêng giữa ông và ông V nên ông chỉ kiện cá nhân ông V.

Bị đơn ông Lê Văn V đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện ngày 04/5/2020 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn ông Võ Cao T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Văn V phải trả số tiền gốc là 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp về hợp đồng dân sự hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và kết quả thừa phát lại của Văn phòng Thừa phát lại Hóc Môn xác định Bị đơn ông Lê Văn V có nơi cư trú tại ấp Đức Hiệp, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu, nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[2] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 02/01/2020, tại ấp 4, xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, ông Võ Cao T và ông Lê Văn V có cùng nhau ký giấy mượn tiền, thể hiện nội dung: Ông Lê Văn V có mượn của ông Võ Cao T số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng; thời gian cho mượn từ ngày 02/01/2020 đến ngày 05/01/2020, không thỏa thuận lãi suất. Và cam kết đến thời gian nêu trên sẽ hoàn trả lại theo thỏa thuận, nếu không thực hiện đúng sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đồng thời, bên dưới giấy mượn tiền còn thể hiện ký tên của người mượn là ông Lê Văn V.

Quá trình giải quyết vụ kiện, ông V vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đồng thời ông V không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình và cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ

nào cho Tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ kiện.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xác định ông Lê Văn V có mượn của ông Võ Cao T số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã được thỏa thuận tại giấy mượn tiền ngày 02/01/2020. Căn cứ nội dung giấy mượn tiền ngày 02/01/2020 xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và không có lãi, các đương sự phải thực hiện theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự. Từ phân tích trên, xét yêu cầu của nguyên đơn về việc trả lại số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng là có cơ sở chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đồng thời, nguyên đơn xác định đây là giao dịch của cá nhân ông V, không liên quan đến quan hệ hôn nhân, do vậy chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân ông V có trách nhiệm.

Như vậy, cần buộc ông V có trách nhiệm trả cho ông T số tiền là 80.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, ông T trình bày để đảm bảo khoản vay, ông V có đưa cho ông giữ bản chính 01 giấy phép lái xe hạng C và 01 thẻ Căn cước công dân mang tên Lê Văn V. Ông cam kết hiện ông đang giữ các giấy tờ trên và đồng ý trả lại cho ông V ngay khi ông V trả đủ số tiền 80.000.000 đồng cho ông. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên buộc bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Cao T.

Buộc ông Lê Văn V có trách nhiệm trả cho ông Võ Cao T số tiền là 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng.

Thời gian và cách trả: Trả một lần ngay khi án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông V chậm trả số tiền trên cho ông T thì ông V phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngay sau khi ông V thanh toán hết tiền nợ cho ông T, ông T có trách nhiệm trả lại cho ông V Bản chính 01 giấy phép lái xe hạng C và 01 thẻ Căn cước công dân mang tên Lê Văn V.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 4.000.000 (Bốn triệu) đồng, buộc ông Lê Văn V phải chịu.

Hoàn trả lại cho ông Võ Cao T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0086133 ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

[3] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thơ